TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH Đ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST Ngày: 24-5-2022 V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Giang

Bà Nguyễn Thị Quy

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu 6, Ấp 2, xã Phú Ngọc, huyện Đ, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Khu 6, Ấp 2, xã Phú Ngọc, huyện Đ, tỉnh Đ.

(Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-12-2021, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh P sau khi tìm hiểu thì tự nguyện kết hôn vào năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Ngọc, huyện Đ, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2001, ngày 29-01-2001.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu 6, ấp 2, xã Phú Ngọc, huyện Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh P thường xuyên tụ tập bạn bè, sử dụng rượu, bia, sau đó về chửi bới và đánh đập chị. Chị đã nhẫn nhịn và cho anh P cơ hội thay đổi, sửa chữa bản thân, nhưng anh P không thay đổi. Tháng 3-2021, chị P đã nộp đơn ly hôn, nhưng nghĩ đến các con nên sau đó chị rút đơn khởi kiện. Nay chị L nhận thấy không còn tình cảm với anh P nên chị yêu câu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con: Theo chị L, chị và anh P có 03 (Ba) người con là Trần Văn Long, sinh ngày 15-12-2001; Trần Minh Đức, sinh ngày 03-4-2006 và Trần Phương Nghi, sinh ngày 12-8-2008. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con Trần Minh Đức, Trần Phương Nghi, chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Trần Văn Long hiện đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên chi L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Theo chị L, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo chị L, vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên chị L đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn anh Trần Văn P mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh P, kết quả xác minh như sau:

Chị L và anh P phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2021, nguyên nhân mâu thuẫn do anh P ghen tuông, vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi nhau. Anh P đã từng bạo hành, đánh đập chị L, đã bị Công an xã Phú Ngọc lập biên bản. Từ tháng 12-2021 cho đến nay anh P, chị L không còn sống chung với nhau. Anh P và chị L có 03 người con, từ lúc anh P và chị L không còn sống chung, các con do chị P chăm sóc, nuôi dưỡng (Các bút lục số 32, 33, 34, 35).

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với anh Trần Văn P. Về con: Đề nghị giao các

con Trần Minh Đức, sinh ngày 03-4-2006 và Trần Phương Nghi, sinh ngày 12-8-2008 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Bích L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trần Văn P, vì vậy quan hệ quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh P có nơi cư trú tại: Khu 6, Ấp 2, xã Phú Ngọc, huyện Đ, tỉnh Đ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị L vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh P, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh P xác lập ngày 29-01-2001 (thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực). Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, áp dụng các điều khoản của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Phú Ngọc, huyện Đ, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 29-01-2001. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[5] Nguyên đơn chị L yêu cầu ly hôn với lý do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, anh P có hành vi đánh đập, bạo hành gia đình đối với chị, vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 12-2021 cho đến nay. Lời khai của các nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng chị L và anh P đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, vi phạm nghĩa vụ tôn trọng danh dự, uy tín, nhân phẩm của nhau được quy định tại các điều 18, 21 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa anh P và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh P là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với bị đơn anh P, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản

trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, từ bỏ quyền của đương sự; điều này cũng thể hiện, anh P không mong muốn được hòa giải đoàn tụ gia đình với chị L.

[7] Về con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh P có 03 (Ba) người con là Trần Văn Long, sinh ngày 15-12-2001; Trần Minh Đức, sinh ngày 03-4-2006 và Trần Phương Nghi, sinh ngày 12-8-2008. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con Trần Minh Đức, sinh ngày 03-4-2006 và Trần Phương Nghi, sinh ngày 12-8-2008, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung, các con sống cùng chị L, do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu nuôi con của chị L phù hợp với nguyện vọng của các con, mong muốn được tiếp tục sống cùng mẹ. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị L, về việc được tiếp tục nuôi dưỡng các con theo quy định tại Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị L không yêu cầu anh P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con Trần Văn Long, sinh ngày 15-12-2001 hiện đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, chị L không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 11, 89, 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích L, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Trần Văn P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với anh Trần Văn P.

2. Về con: Giao các con Trần Minh Đức, sinh ngày 03-4-2006 và Trần Phương Nghi, sinh ngày 12-8-2008 cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Đối với con Trần Văn Long, sinh ngày 15-12-2001 hiện đã thành

niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, chị L không yêu cầu nên không xem xét.

Anh P có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003382 ngày 07-01-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ. Chị L đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Ngọc, huyện Đ (GCNKH số 05/2001, quyển số 01, ngày 29-01-2001) (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Phường